

Bản án số: 164/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Phương.

2. Ông Hà Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2022, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **NGUYỄN QUỐC K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 21, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **BÙI KIM A**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Vắng mặt (chị BÙI KIM A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **NGUYỄN QUỐC K** trình bày: Tôi và chị **BÙI KIM A**, sinh năm 1986 ở tổ dân phố 07, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009, tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng gia đình tôi ở tổ dân phố 21, phường T, thành phố T. Thời gian đầu sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

và ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình được. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung.

Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra căng thẳng, kéo dài và thực tế vợ chồng sống ly thân từ năm 2022, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị BÙI KIM A theo quy định của pháp luật.

Về con chung tôi và chị BÙI KIM A có 03 người con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2010; cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013 và cháu Nguyễn Vũ P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2018, khi ly hôn tôi xin nhận được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 cháu, tôi không yêu cầu chị BÙI KIM A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung tôi và chị BÙI KIM A tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung tôi và chị BÙI KIM A không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng chị BÙI KIM A không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày về ý kiến của mình.

Ý kiến của cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03/4/2010 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01/7/2013 là con chung của anh NGUYỄN QUỐC K và chị BÙI KIM A trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở trực tiếp với bố NGUYỄN QUỐC K.

Về chứng cứ anh NGUYỄN QUỐC K cung cấp cho Tòa án:

- 01 bản sao Trích lục kết hôn đứng tên vợ BÙI KIM A, đứng tên chồng NGUYỄN QUỐC K;

- 03 bản sao Giấy khai sinh đứng tên Nguyễn Bảo L, Nguyễn Anh T và Nguyễn Vũ P;

- 01 bản sao Căn cước công dân đứng tên NGUYỄN QUỐC K;

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị BÙI KIM A được biết: Chị A và anh K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T. Sau khi kết hôn, anh K và chị A sinh sống tại nhà bố mẹ chồng ở tổ dân phố 21, phường T, thành phố T. Sau khi chị A chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương năm 2022 và sau đó đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh (không rõ địa chỉ); hiện nay chị A không có mặt tại địa phương. Nay anh K có đơn xin ly hôn với chị A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh K và chị A có 03 người con chung. Anh K và chị A không có nhà, đất ở địa phương. Về tài sản cho vay và vay nợ chung địa phương không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án nhân dân thành phố T, không tiến hành hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác

định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các thành phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn là anh K đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị A còn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh NGUYỄN QUỐC K được ly hôn với chị BUI KIM A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2010; cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013 và cháu Nguyễn Vũ P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2018 cho anh NGUYỄN QUỐC K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị BUI KIM A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh NGUYỄN QUỐC K (do anh NGUYỄN QUỐC K không có yêu cầu) và được quyền đi lại thăm con chung.

- Về tài sản chung do đương sự xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh NGUYỄN QUỐC K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị BUI KIM A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh NGUYỄN QUỐC K và chị BUI KIM A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009, tại Ủy ban nhân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà chồng ở tổ dân phố 21, phường T, thành phố T. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; thực tế vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, nên anh K có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị A. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh K và chị A có mâu thuẫn căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; thực tế vợ chồng sống ly thân đã lâu ngày, không còn quan tâm đến nhau, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của anh K là được ly hôn với anh chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh K và chị A có 03 người con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2010; cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013 và cháu Nguyễn Vũ P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2018. Xét thấy cả 03 người con chung của anh K và chị A tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và nguyện vọng của cháu Lâm và cháu Trâm là được ở trực tiếp với bố là anh K khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, giao cháu Lâm và cháu Trâm cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh K tự nguyện không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung do đương sự xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung do đương sự xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với chị BUI KIM A quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng chị A đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, giải quyết việc anh K xin ly hôn với chị A theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: - Anh K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

- Chị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Nguyên đơn là anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là chị A đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt anh K và chị A theo Điều 227; 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh NGUYỄN QUỐC K được ly hôn với chị BUI KIM A.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2010; cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013 và cháu Nguyễn Vũ P, sinh ngày 08 tháng 7 năm 2018, cho anh NGUYỄN QUỐC K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị BUI KIM A không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh NGUYỄN QUỐC K và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: - Anh NGUYỄN QUỐC K phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000619, ngày 19 tháng 12 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh NGUYỄN QUỐC K đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị BUI KIM A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Anh NGUYỄN QUỐC K và chị BUI KIM A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

